

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngành chứng khoán và vận tải - kho bãi với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DCM, KDC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể cân nhắc chốt lời 1 phần nhỏ tỷ trọng khi các mã mục tiêu vượt đỉnh và đạt lợi nhuận kỳ vọng

03/06/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,280.00	+1.45
VN30	1,297.78	+1.71
HĐTL VN30F1M	1,291.50	+1.69
HNXIndex	244.72	+0.67
HNX30	542.50	+1.01
UPCoM	96.93	+1.10
USD/VND	25,439	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.82	-3
Lãi suất qua đêm (%)	3.85	+130
Dầu (WTI, \$)	77.09	+0.13
Vàng (LME, \$)	2,325.54	-0.08



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,280.00 (+1.45%)
KLGD (triệu CP) 931.0 (+61.5%)
GTGD (triệu U\$) 1,025.9 (+39.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngành chứng khoán và vận tải - kho bãi với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 245.14 tỷ đồng, tập trung tại MWG (+0.63%), FPT (+1.71%), TCB (+0.32%).

HNXIndex 244.72 (+0.67%)
KLGD (triệu CP) 99.3 (+26.9%)
GTGD (triệu U\$) 68.9 (+29.6%)

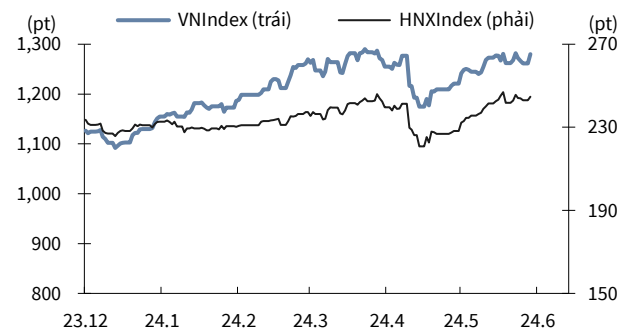
Giải ngân vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5/2024 được các bộ, ngành và địa phương tập trung đẩy mạnh thực hiện và đạt gần 27% kế hoạch cả năm. Cổ phiếu nhóm Đầu tư công tăng giá ở VCG (+1.09%), HHV (+1.14%).

UPCoM 96.93 (+1.10%)
KLGD (triệu CP) 58.0 (-44.2%)
GTGD (triệu U\$) 35.0 (-8.4%)

Mới đây, Bộ Xây dựng đề xuất gói tín dụng mới cho nhà ở xã hội, dự kiến có lãi suất thấp hơn 3-5% so với vay thương mại, để tạo động lực cho người thu nhập thấp mua nhà. Cổ phiếu nhóm Xây dựng tăng giá ở HTN (+0.74%), CTD (+0.83%).

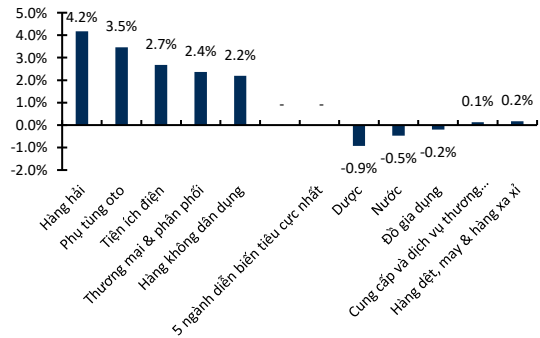
NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -8.8

VNIndex & HNXIndex



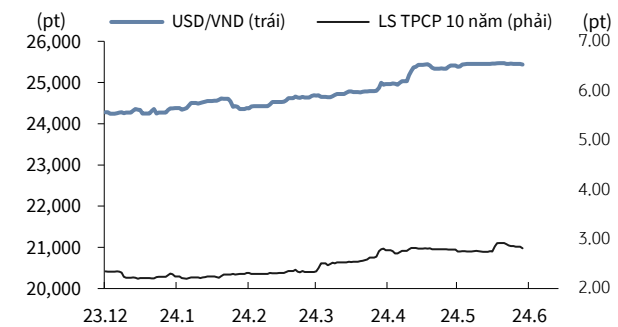
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



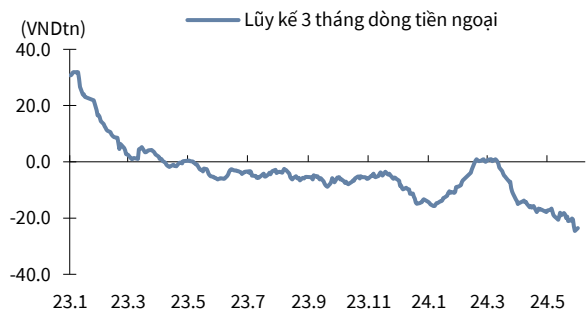
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

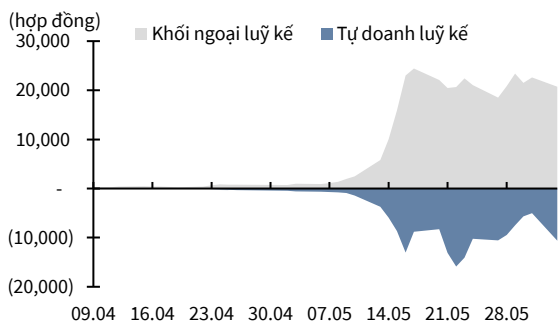
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,297.78 (+1.71%)
VN30F1M	1,291.5 (+1.69%)
Mở cửa	1,282.7
Cao nhất	1,298.6
Thấp nhất	1,280.6
KLGD (HĐ)	196,168 (-3.8%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất phiên tại 6.03 điểm, sau đó biến động quanh -3 điểm và đóng cửa tại -6.28 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

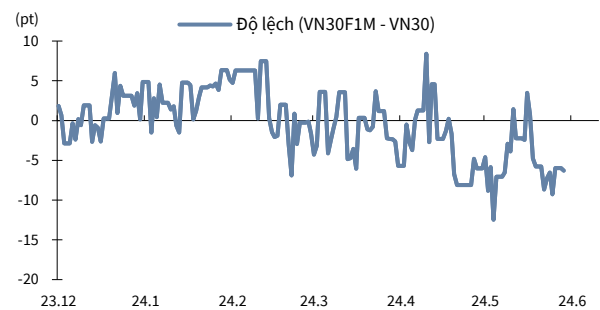
Khối ngoại bán ròng 1,911 HĐTL VN30F2406 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 20,727 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 5,551 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 10,598 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



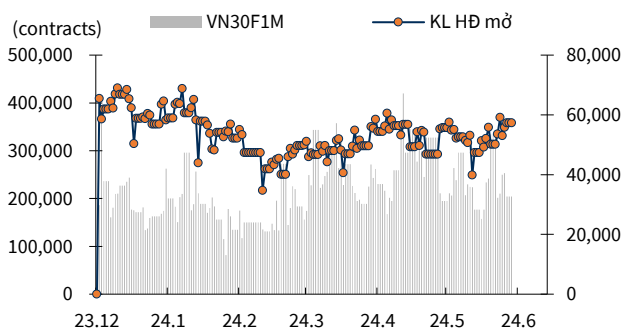
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



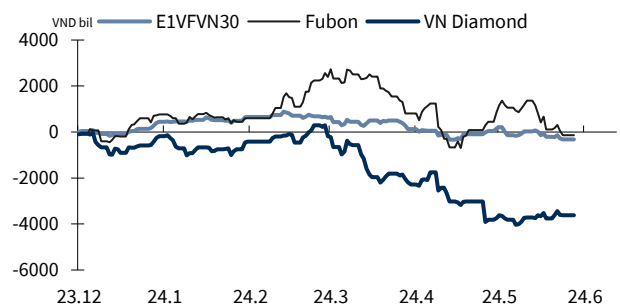
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

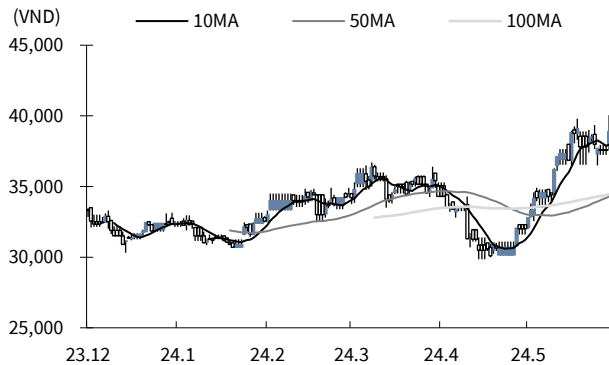
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)

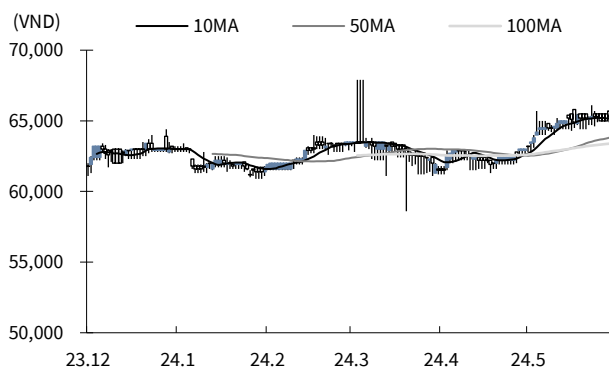


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM tăng 3.60% lên 38,900 VND/cp

- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 diễn ra vào 11/06, dự kiến trình mục tiêu lợi nhuận năm nay đạt 795 tỷ đồng, giảm 28% YoY; mức chia cổ tức với tỷ lệ 20% cho năm 2023 và 10% cho năm 2024. Kết thúc quý 1 vừa qua, DCM ghi nhận doanh thu đạt 2,700 tỷ đồng, lãi ròng tăng hơn 51%, đạt 346 tỷ đồng.

CTCP Tập đoàn KIDO (KDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDC tăng 0.46% lên 65,300 VND/cp

- CTCP Tập đoàn Kido dự kiến chia toàn bộ 22.5 triệu cp quỹ cho cổ đông với tỷ lệ thực hiện là 100:8.42434. Ngày đăng ký cuối cùng là 14/06, KDC dự kiến hoàn tất việc chia cp quỹ trong quý 3-4/2024. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 diễn ra vào 19/06, KDC đặt mục tiêu doanh thu 13,000 tỷ và lợi nhuận trước thuế 800 tỷ đồng, lần lượt tăng 50% YoY và 148% YoY.

CTCP Sữa Việt Nam (VNM)

Duy trì tăng trưởng trên mức nền thấp

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
giangnt1@kbsec.com.vn
(+84) 24-7303-5333

03/06/2024

Duy trì tăng trưởng LNST trên mức nền thấp cùng kỳ

Kết thúc 1Q2024, VNM ghi nhận doanh thu thuần đạt 14,125 tỷ đồng (+1.2% YoY), biên lợi nhuận gộp tiếp tục duy trì ở mức cao đạt 41.9% (+3.1ppts YoY) do giá nguyên vật liệu tiếp tục neo ở mức thấp. LNST đạt 2,207 tỷ đồng (+15.8% YoY), tiếp tục duy trì tăng trưởng cao trên mức nền thấp cùng kỳ.

Doanh thu nội địa đi ngang trong bối cảnh toàn ngành sụt giảm

Ngành FMCG nói chung và ngành sữa nói riêng tiếp tục gặp khó với tăng trưởng âm. Trong bối cảnh đó VNM vẫn duy trì tăng trưởng doanh thu tốt hơn toàn ngành sữa, cho thấy tín hiệu tiếp tục chiếm được thị phần. Động lực tăng trưởng đến từ các ngành hàng sữa đặc, sữa chua uống và sữa hạt.

Thị trường nước ngoài tăng trưởng tích cực 8% YoY

Thị trường nước ngoài tiếp tục tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ. Xuất khẩu đi các thị trường truyền thống đóng góp tăng trưởng chính, các thị trường tiềm năng Châu Phi, Nam Mỹ đang nghiên cứu đẩy mạnh xâm nhập thị trường. Các chi nhánh nước ngoài ở Campuchia và Mỹ đều ghi nhận tăng trưởng tích cực nhờ cải thiện vị thế thương hiệu.

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 76,000 VND/cổ phiếu

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2024 của VNM ghi nhận doanh thu thuần 62,516 tỷ đồng (+3.6% YoY). Lợi nhuận gộp đạt 25,936 tỷ đồng tương ứng biên LNG đạt 41.5% tăng nhẹ 0.8ppts. LNST công ty mẹ dự báo đạt 9,343 tỷ đồng (+5.3% YoY). Nhận thấy ngành sữa nội địa đang bắt đầu có tín hiệu tạo đáy, thị trường nước ngoài khởi sắc cùng với mức định giá hiện tại đang khá rẻ so với lịch sử, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA cổ phiếu VNM với giá mục tiêu 76,000 VND/cổ phiếu.

MUA THAY ĐỔI

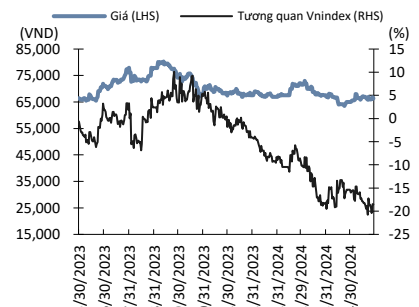
Giá mục tiêu	VND76,000
Tăng/giảm (%)	15%
Giá hiện tại (03/06/2024)	VND 66,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 80,200
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	138.1/5.4

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	35.3%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	269.4/10.8
Sở hữu nước ngoài	50.8%
Cổ đông lớn	SCIC (36%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	YTD	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.0	-7.9	-1.6	-0.3
Tương đối	-3.2	-9.5	-17.9	-18.4

Dự phóng KQKD & định giá

	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	59,956	60,369	62,516	65,675
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	10,491	10,904	11,462	12,277
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	8,516	8,874	9,348	10,018
EPS (VNĐ)	3,632	4,246	4,473	4,793
Tăng trưởng EPS (%)	-20%	17%	5%	7%
P/E (x)	17.1	16.3	15.5	14.5
P/B (x)	4.5	4.2	4.1	3.9
ROE (%)	25%	27%	27%	27%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	7.1%	5.7%	5.3%	5.3%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)

Kỳ vọng KQKD thuận lợi trong mùa cao điểm

03/06/2024

Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
hieupm@kbsec.com.vn

Hoạt động kinh doanh trong 1Q2024 bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đợt bảo dưỡng lớn kéo dài 48 ngày

Trong quý 1/2024, doanh thu của BSR sụt giảm 10.5% yoy chủ yếu do ảnh hưởng từ đợt bảo dưỡng khiến sản lượng tiêu thụ giảm 9.7% yoy. Lợi nhuận gộp giảm mạnh 39.4% yoy do chi phí cố định duy trì cao trong khi crack spread 2 sản phẩm chủ lực là dầu Diesel và JetA1 diễn biến bất lợi vì tình trạng dư thừa nguồn cung.

Crack spread xăng và nhiên liệu bay kỳ vọng hưởng lợi khi nhu cầu tăng cao từ cuối 2Q2024

Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu di chuyển bằng đường bộ và hàng không tăng mạnh trong kỳ nghỉ lễ sắp tới sẽ hỗ trợ crack spread các loại xăng và nhiên liệu bay. American Automobile Association dự báo số lượng hành khách di chuyển bằng đường hàng không tại Mỹ trong kỳ nghỉ lễ Memorial Day có thể sẽ đạt mức cao nhất trong 20 năm trở lại đây.

Điều chỉnh kế hoạch phân bổ nguồn vốn cho dự án nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất

BSR phải điều chỉnh tỷ lệ vốn chủ/vốn vay cho dự án nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất từ mức 40/60 thành 3 kịch bản thay thế gồm 60/40, 70/30 và 80/20 do lãi suất cao và khó khăn trong việc tìm nguồn vay. Tổng mức đầu tư của dự án đạt khoảng 36.4 nghìn tỷ đồng. Dự án dự kiến sẽ được giải ngân trong giai đoạn 2025-2027 và có thể đi vào hoạt động trong năm 2028.

Cập nhật tiến độ chuyển niêm yết lên sàn HOSE

Công ty đang xem xét phương án giải thể công ty con BSR-BF để loại trừ kết quả kinh doanh ra khỏi báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản nợ quá hạn của công ty BSR-BF chính là rào cản duy nhất khiến BSR liên tục phải đẩy lùi kế hoạch chuyển niêm yết lên sàn HOSE.

Trung lập duy trì

Giá mục tiêu	24,400
Tăng/giảm (%)	6.1%
Giá hiện tại (03/06/2024)	VND 23,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 23,600
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	71.3/2.8

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	7.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	152.3/6.1
Sở hữu nước ngoài (%)	0.7%
Cổ đông lớn	PVN (92.1%)

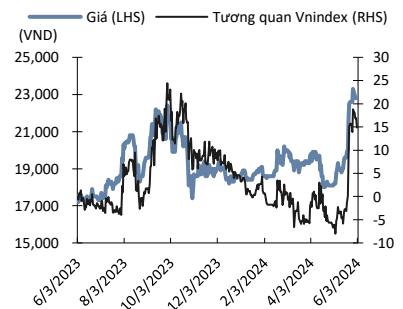
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	28.7	17.1	22.6	35.5
Tương đối	22.8	14.8	6.4	16.2

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	167,124	147,423	128,884	145,254
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	14,673	7,948	6,334	8,025
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	14,726	8,511	6,590	8,098
EPS (VND)	4,750	2,745	2,125	2,612
Tăng trưởng EPS (%)	129.1	-42.2	-23.0	23.0
P/E (x)	5.1	8.9	11.5	9.3
P/B (x)	1.5	1.3	1.3	1.2
ROE (%)	28.7	14.8	11.0	12.8
Tỷ suất cổ tức (%)	1.8	2.9	2.9	2.9

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap bật tăng mạnh trong phiên sáng, sau đó chững lại và rung lắc nhẹ trong phiên chiều
- Dòng tiền lan tỏa mạnh mẽ trên nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đóng vai trò dẫn dắt chính cho đà tăng của chỉ số, giúp trạng thái giao dịch của toàn thị trường trở nên tích cực hơn. Mặc dù khả năng gặp áp lực rung lắc trở lại khi tiếp cận vùng đỉnh cũ vẫn đang hiện hữu, xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn đang được bảo lưu và chỉ số được kỳ vọng sẽ vượt mốc điểm 1300 trong những phiên tới trước khi có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể cân nhắc chốt lời 1 phần nhỏ tỷ trọng khi các mã mục tiêu vượt đỉnh và đạt lợi nhuận kỳ vọng.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1311 – 1315

Kháng cự gần: 1299 – 1303

Hỗ trợ gần: 1283 – 1285

Hỗ trợ xa: 1274 – 1277

- F1 mở gap bật tăng mạnh trong phiên sáng, sau đó chững lại và rung lắc nhẹ trong phiên chiều
 - Phe Long thể hiện sự áp đảo ngay từ đầu phiên, bất chấp những phản ứng rung lắc sau đó từ phe Short, chỉ số vẫn bảo vệ được phần lớn thành quả tăng điểm và đưa trạng thái giao dịch trở nên tích cực hơn. tục. Với việc xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn đang được bảo lưu, chỉ số được kỳ vọng sẽ vượt mốc điểm 1320 trong những phiên tới trước khi có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh trở lại.
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Long đã mở.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

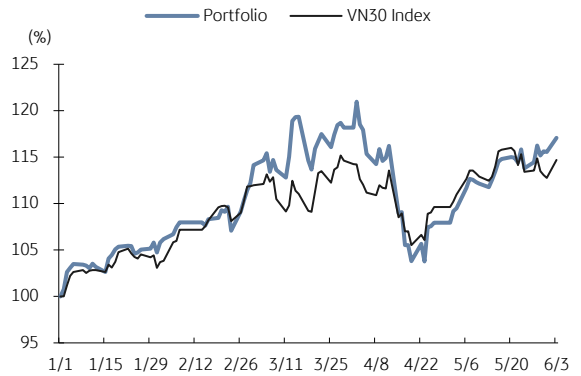
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.71%	1.30%
Tăng lũy kế (YTD)	14.70%	17.06%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/06/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	136,900	1.7%	10.6%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	29,350	3.5%	3.2%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	88,200	1.1%	-10.2%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	35,000	-0.4%	5.6%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	47,150	0.3%	0.7%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	170,600	0.1%	6.0%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	66,100	1.1%	-2.2%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bac Corp (KBC)	01/04/2024	32,300	2.9%	-7.3%	- Quý đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	17,150	2.1%	-12.9%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	64,000	0.6%	14.3%	- Chuỗi TGĐB và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBB	3.9%	23.2%	139.6
HPG	1.4%	22.9%	68.6
DPM	6.9%	8.2%	51.0
STB	6.8%	23.2%	49.0
MSN	1.4%	30.0%	45.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MWG	0.6%	48.8%	-129.6
FPT	1.7%	49.0%	-101.7
TCB	0.3%	22.3%	-99.6
VCB	1.2%	23.4%	-86.5
VHM	1.2%	17.3%	-56.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.0%	23.1%	21.9
SHS	2.8%	9.6%	7.6
CEO	1.6%	5.0%	3.6
TIG	4.9%	9.9%	3.0
PVB	3.0%	1.1%	2.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-0.8%	21.3%	-7.3
MBS	0.6%	1.8%	-3.3
BVS	0.7%	5.5%	-2.4
VGS	-0.5%	0.9%	-1.1
PVS	0.9%	20.6%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	6.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hàng hải	5.8%	VSC, VOS, SKG, VTO
Thương mại & phân phối	4.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Đồ gia dụng	4.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
Phụ tùng oto	4.1%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-3.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Bảo hiểm	-1.8%	BVH, MIG, BIC, BMI
Ngân hàng	-1.1%	VCB, BID, VPB, TCB
Tiện ích khí	-0.7%	GAS, PGD, PMG
Thiết bị điện	-0.3%	GEX, SAM, CAV, RAL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	36.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	22.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Phụ tùng oto	21.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Tập đoàn công nghiệp	17.9%	REE, BCG, PET, EVG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	17.0%	PLX, PGC, CNG, GSP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-2.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	-1.3%	VCB, BID, VPB, TCB
Cơ sở hạ tầng & vận tải	1.1%	GMD, LGC, CII, HAH
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	2.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	3.2%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	105,042 (4.1)	22.5	-	-	14.7	-	-	-	-	0.9	-2.4	-1.1	-1.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	308,384 (12.1)	26.6	4.5	4.0	35.9	19.0	17.0	0.8	0.7	1.2	-1.3	-4.4	-9.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	167,209 (6.6)	17.8	12.3	10.6	-7.6	10.9	10.9	1.2	1.1	2.5	0.0	-4.7	-4.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	292,082 (11.5)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	3.5	3.1	2.4	-12.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	122,912 (4.8)	11.6	36.6	32.7	13.7	5.3	6.8	1.8	1.9	5.0	6.1	5.8	21.0
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	147,674 (5.8)	13.9	56.6	35.4	-	2.3	3.3	-	-	2.1	3.6	4.6	-11.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	129,915 (5.1)	6.3	14.9	12.9	11.7	19.0	17.9	2.4	2.0	1.1	-2.2	-4.6	9.8
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	78,858 (3.1)	12.7	-	-	-5.3	20.1	20.1	-	-	0.4	-3.3	-3.9	9.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	450,555 (17.7)	0.0	7.6	6.2	14.3	16.4	17.7	1.1	1.0	0.3	1.4	-2.2	48.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	306,415 (12.0)	1.4	-	-	50.3	-	-	-	-	2.2	0.6	0.6	20.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	255,973 (10.1)	0.0	9.6	7.8	18.8	11.2	12.9	1.0	0.9	1.7	1.7	-0.5	-4.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	409,241 (16.1)	0.0	5.3	4.5	14.6	22.4	23.1	1.1	0.9	3.9	0.7	0.9	21.2
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	175,373 (6.9)	4.2	-	-	23.3	-	-	-	-	3.2	0.8	-1.8	18.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	315,304 (12.4)	14.0	6.4	4.6	26.5	18.8	21.7	1.0	0.8	6.8	3.7	8.0	6.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	136,343 (5.4)	0.0	3.2	2.6	37.4	15.8	16.4	1.0	0.9	2.3	2.0	3.1	3.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	213,072 (8.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.8	5.3	12.5	7.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	38,097 (1.5)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	1.1	-2.3	13.4	14.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	12,156 (0.5)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.4	-1.5	16.1	25.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	539,897 (21.2)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	2.0	0.9	2.2	7.9
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	267,092 (10.5)	71.9	-	-	-4.0	15.9	-	-	-	2.1	2.0	3.9	13.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	234,735 (9.2)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	2.3	1.5	11.5	24.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	300,198 (11.8)	27.2	-	-	36.3	12.1	-	-	-	2.0	2.0	1.8	-7.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,905 (9,900)	243,611 (9.6)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.2	4.4	4.2	1.1	0.0	0.8	-2.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	70,066 (2.8)	36.9	17.9	16.9	7.3	18.0	18.9	3.2	3.1	1.9	1.5	4.8	-5.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	463,594 (18.2)	16.5	57.7	26.7	-51.9	6.8	12.6	3.9	3.1	1.4	5.7	11.3	16.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,120 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.1	3.5	10.5	-6.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	115,461 (4.5)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	1.5	-0.3	2.5	0.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	148,728 (5.8)	10.8	20.8	19.9	-57.0	14.9	14.4	2.8	2.6	-0.6	0.5	-2.6	18.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	96,920 (3.8)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	4.1	5.6	7.5	3.8
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	61,612 (2.4)	48.0	34.5	28.4	26.2	28.8	31.8	8.1	6.8	1.9	3.9	3.1	46.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	324,068 (12.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	2.1	-0.6	15.3	0.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	108,281 (4.3)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	0.8	2.5	10.8	6.3
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	84,995 (3.3)	0.0	10.4	8.4	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.3	1.1	1.3	9.9	27.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	125,238 (4.9)	46.1	16.6	15.4	-17.5	16.5	16.5	-	-	0.4	-0.7	8.4	6.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,648 (0.9)	31.4	-	26.4	-10.5	2.0	5.1	1.7	1.7	2.4	1.7	5.4	-3.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	15,937 (0.6)	34.1	8.0	6.4	-5.1	15.6	18.6	-	-	-0.3	4.1	12.3	11.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	798,083 (31.4)	18.0	15.0	10.4	21.9	10.2	12.9	1.6	1.4	1.4	0.3	11.3	14.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	123,093 (4.8)	36.5	20.1	17.7	-0.5	5.3	8.3	1.3	1.3	6.9	6.4	19.0	15.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	220,279 (8.7)	46.5	12.1	13.0	-4.5	12.8	16.1	2.0	2.0	3.6	1.3	21.6	20.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	200,298 (7.9)	38.9	16.7	11.7	67.9	7.9	9.8	1.3	1.2	2.5	1.6	11.8	-2.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	70,207 (2.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.4	6.3	18.4	25.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	105,453 (4.1)	4.6	15.9	14.8	-51.0	12.0	12.2	1.9	1.8	1.2	0.5	15.3	20.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	181,002 (7.1)	39.9	20.3	11.4	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	2.1	1.1	8.4	14.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	191,355 (7.5)	35.9	10.5	9.0	2.2	9.8	10.4	1.4	1.2	1.0	0.2	20.1	27.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	600,097 (23.6)	0.0	29.1	21.1	14.4	13.9	16.4	3.7	3.2	0.6	6.7	14.9	49.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	148,883 (5.9)	0.0	14.9	13.0	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	-0.3	-0.6	-3.0	8.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	12,938 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.3	2.3	1.2	-23.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	133,667 (5.3)	30.3	120.2	45.0	-75.2	4.7	20.7	13.9	11.7	0.1	6.1	4.0	59.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,507 (1.2)	34.6	-	18.0	41.2	-	13.4	2.5	2.3	1.6	2.1	9.2	27.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,156 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	-1.7	3.3	6.9	16.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	561,944 (22.1)	0.0	23.1	18.8	15.5	28.4	28.9	4.9	4.1	1.7	3.1	8.7	42.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.